TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hữu Phúc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và bà Hoàng Thị Hồng Diễm
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Phát- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Diễm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly *hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1974. HKTT: Thôn TH, xã HĐ, huyện CM, thành phố HN. Chỗ ở hiện nay: Số 92, tổ 7, khu phố 7, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Xuân T, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ 3B, khu phố 4, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai (xin vắng mặt).

Ông T ủy quyền cho ông Bùi Quang V, sinh năm: 1969, trú tại: Khu phố 5, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐN "Về yêu cầu tranh chấp nuôi con" (theo giấy ủy quyền đươc Văn phòng công chứng Bình An chứng thực vào ngày 24/4/2018 và ngày 13/11/2018) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai trong hồ sơ, thì thấy nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày: Bà và ông Trần Xuân T sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và có với nhau 01 con chung là cháu Dương Minh Hòa (trước tên là Trần Minh Hòa), sinh ngày 22/10/2012. Tháng 10/2013 do mâu thuẫn nên bà và ông T không còn chung sống với nhau nữa. Từ tháng 10/2013 đến tháng 9/2014 bà là người trực tiếp

nuôi dưỡng cháu Hòa. Từ ngày 23/9/2014 đến nay thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hòa. Trong thời gian nuôi cháu Hòa thì ông T không cho bà đến thăm cháu và đón cháu về chơi vào cuối tuần dù bà có hứa sẽ chở cháu về lại nhà ông T để cháu đi học, ông T cũng nhiều lần ngăn cản không cho bà được thăm nom con. Đồng thời bà thấy ông T chăm sóc con không được tốt và hiện nay ông T đã lấy vợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Xuân T giao cháu Dương Minh Hòa cho bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu ông Trần Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ đến khi cháu Hòa trưởng thành và có khả năng lao động. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo đơn yêu cầu phản tố, bản tường trình và các tài liệu khác trong hồ sơ thì thấy, bị đơn ông Trần Xuân T trình bày: Về quá trình sống chung; con chung; tài sản chung và nợ chung thống nhất như trình bày của bà Dương Thị M. Quá trình sống chung do phát sinh mâu thuẫn nên tháng 10 năm 2013 ông và bà M không còn chung sống với nhau nữa. Ngày 12/7/2014 bà M tự viết giấy giao nhận cháu Hòa cho ông trực tiếp nuôi từ đó cho đến nay. Trong thời gian nuôi dưỡng cháu Hòa, ông luôn chăm sóc tốt cho cháu, cháu được đi học và phát triển bình thường như các bạn đồng trang lứa, hàng năm đều có giấy khen. Hiện nay, ông đang làm công chức nhà nước, có thu nhập ổn định và có nhà cho thuê nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hòa rất tốt. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án tuyên bố ông và bà M không phải là vợ chồng, giao con là cháu Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa) cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung của ông và bà M không có.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con trình bày: Ban đầu con chung giữa ông T và bà M tên là Trần Minh Hòa. Tuy nhiên việc cấp giấy khai sinh của cháu Trần Minh Hòa không đúng trình tự nên cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi giấy khai sinh mang tên Trần Minh Hòa. Hiện con chung của ông T và bà M tên là Dương Minh Hòa do bà M đăng ký khai sinh lại. Cháu Hòa hiện do ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Việc bà M giao cháu Hòa cho ông T nuôi dưỡng là do bà M tự nguyện, căn cứ vào giấy giao con đề ngày 12/7/2014 do bà M tự viết và ký tên. Trong thời gian nuôi dưỡng cháu Hòa, ông T luôn chăm sóc tốt cho cháu, cháu được đi học và phát triển bình thường như các bạn đồng trang lứa, hàng năm đều có giấy khen. Hiện nay, ông T đang làm công chức nhà nước, có thu nhập ổn định và có nhà cho thuê nên điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hòa rất tốt. Vì vậy ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc giao con cho bà M nuôi dưỡng. Ngày 07/11/2018 ông T yêu cầu phản tố được trực tiếp nuôi con là cháu Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), ông T không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố ông Trần Xuân T và bà Dương Thị M không phải là vợ

chồng; Về con chung: Giao cho ông T được trực tiếp nuôi con là Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), sinh ngày 22/10/2012. Ông T không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu, Nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của bà M là tranh chấp về nuôi con, quá trình làm việc Tòa án đã giải thích và yêu cầu bà M bổ sung yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nhưng bà M không yêu cầu, nên xác định quan hệ là "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" được quy định tại khoản 7 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn yêu cầu phản tố của ông T là quan hệ ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T là bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 228 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu phản tố tuyên bố bà Dương Thị M và ông Trần Xuân T không phải là vợ chồng của ông T.

Quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa bà M trình bày thống nhất với ông T, cụ thể: Ông Trần Xuân T và bà Dương Thị M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2011 mà không có đăng ký kết hôn và có với nhau 01 con chung là cháu Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), sinh ngày 22/10/2012. Đến tháng 10 năm 2013 do mâu thuẫn nên bà M và ông T không còn chung sống với nhau nữa. Như vậy, bà M và ông T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000, do đó, căn cứ điều 87 luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Tòa án tuyên bố ông Trần Xuân T và bà Dương Thị M không phải là vợ chồng.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con: Theo các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thì thấy bà Dương Thị M và ông Trần Xuân T chung sống có 01 con chung là Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), sinh ngày 22/10/2012.

Bà Dương Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông Trần Xuân T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét điều kiện nuôi con của bà M và ông T thì thấy: Về chỗ ở thì hiện nay ông T đang sống cùng với cháu Hòa ở nhà của ông T, còn bà M đang sống tại nhà hàng Hoàng Lộc Seoul nơi bà M làm việc (bút lục 36, 61). Về công việc thì ông T đang là công chức nhà nước công tác tại phòng Dân tộc- thuộc UBND

huyện Trảng Bom, thu nhập hàng tháng là 7.927.920 đồng, ông T làm theo giờ hành chính (bút lục 49,50), còn bà M hiện là nhân viên nhà hàng Hoàng Lộc Seoul, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng, bà M làm việc theo ca (sáng từ 07 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút, chiều từ 16 giờ 30 phút đến 21 giờ) (bút lục 36). Như vậy xét về chỗ ở, công việc thì bà M và ông T đều có chỗ ở, công việc ổn định.

Xét các điều kiện khác thì thấy: Bà M cho rằng trong thời gian cháu Hòa sống với ông T thì ông T có hành vi ngăn cản không cho bà tới thăm con cũng như đón con đi chơi, đồng thời bà thấy ông T chăm sóc con không được tốt. Quá trình làm việc bà M cung cấp cho Tòa án 01 đĩa lưu 02 đoạn video chứng minh về việc ông T ngăn cản bà không được thăm con, tuy nhiên, tại buổi công khai nội dung đoạn video đó thì các đương sự thống nhất không nghe thấy nội dung tiếng nói của ông T, còn đoạn video quay lại hình ảnh và Tg nói của cháu Hòa thì không thể hiện việc ông T ngăn cản bà M thăm con (bút lục 72,73). Tòa án tiến hành xác minh tại trường mầm non tư thục Ngọc Hiền là nơi học của cháu Hòa thì cô giáo cho biết không có việc ông T ngăn cản bà M thăm cháu Hòa (bút lục 60). Ngoài ra, bà M không có chứng cứ nào chứng minh ông T có hành vi ngăn cản bà thăm nom cháu Hòa. Còn việc bà trình bày ông T chăm sóc cháu Hòa không tốt thì bà không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh (bút lục 27).

Ông T cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy có tựa đề "Giao nhận nuôi con" trong đó nội dung trình bày bà M giao cháu Hòa cho ông T nuôi đề ngày 12/07/2014 (Bút lục 58) để chứng minh việc bà M đồng ý giao cháu Hòa cho ông T nuôi từ ngày 12/7/2014. Quá trình làm việc bà M thừa nhận tờ giấy đó do bà viết ra vì lúc đó bà cũng có ý định giao cháu Hòa cho ông T, nhưng bà chưa có giao tờ giấy đó cho ông T mà để trong phòng trọ nên ông T lấy lúc nào bà không biết, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh điều đó (bút lục 28). Bà M thừa nhận thực tế ông T trực tiếp nuôi cháu Hòa từ ngày 23/9/2014 cho đến nay, trong thời gian ông T trực tiếp nuôi cháu Hòa bà không có phụ giúp ông T về tiền bạc trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con (bút lục 24,28).

Tòa án tiến hành xác minh tại trường mầm non tư thục Ngọc Hiền thì được biết cháu Hòa học tại trường từ năm 2016, trong quá trình học cháu Hòa luôn ngoan ngoãn, lễ phép, kính trên nhường dưới, sống hòa đồng với bạn bè. Cháu ăn ngủ đầy đủ, tình trạng sức khỏe rất tốt, hàng ngày cha cháu đưa đón cháu đi học đúng giờ. Trong thời gian cháu Hòa học tại trường bà M có một vài lần đến thăm cháu nhưng không thường xuyên, khi đến bà M chỉ thăm cháu chứ không mua cái áo, cái quần hay quà bánh gì cho cháu. Cháu Hòa cũng không vui mừng khi gặp bà M (bút lục 60). Quá trình học tập tại trường hàng năm cháu Hòa đều đạt danh hiệu bé chăm ngoan và hoàn thành tốt chương trình giáo dục mầm non (bút lục 54,55). Tòa án tiến hành xác minh tại nơi ông T đang sinh sống thì được biết ông T có nhà ở ổn định tại địa phương, ông T đang nuôi con nhỏ là cháu Hòa, ở địa phương ông T có đạo đức tốt, sống hòa đồng với mọi người, không có vi phạm pháp luật (bút lục 61).

Như vậy, bà M và ông T đều có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định. Bà M không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc ông T ngăn cản bà thăm cháu Hòa, cũng như việc ông T chăm sóc cháu Hòa không tốt. Ông T đưa ra được

chứng cứ chứng minh việc bà M tự nguyện giao cháu Hòa cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, theo trình bày của ông T, bà M cũng như xác minh của Tòa án thì thực tế cháu Hòa sống ổn định với ông T từ năm 2014 (lúc cháu khoảng 2 tuổi) đến nay, ông T có đủ điều kiện về chỗ ở, kinh tế để chăm sóc tốt cho cháu. Cháu Hòa hiện đang học tập ổn định, tâm sinh lý phát triển tốt, sống hòa đồng với bạn bè. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà M thừa nhận trong thời gian bà với ông T không sống chung và cháu Hòa sống với ông T thì bà không có phụ giúp gì về kinh tế, tiền bạc cho ông T trong việc chăm sóc con, nhưng ông T vẫn chăm sóc tốt cháu Hòa. Bà M trình bày nếu được trực tiếp nuôi con bà sẽ đưa con về quê tại xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội sinh sống, điều này sẽ ảnh hưởng đến quyền thăm nom con chung của ông T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Hòa thì không nên thay đổi môi trường sống đang ổn định của cháu. Do đó, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M mà chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cho ông T được được trực tiếp nuôi 01 con là Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà M yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Hòa với mức cấp dưỡng hàng tháng 1.500.000 đồng. Do yêu cầu nuôi con của bà M không được chấp nhận nên, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà M không được chấp nhận. Ông T không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con. Nên tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà M và ông T trình bày không có. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Yêu cầu của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T yêu cầu ly hôn nên ông T phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn.

[3] Ý kiến nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5; điều 28; điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 11, 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điều 53, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" là cháu Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), sinh ngày: 22/10/2018.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Trần Xuân T và bà Dương Thị M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho ông Trần Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung là Dương Minh Hòa (tên gọi khác là Trần Minh Hòa), sinh ngày: 22/10/2018.

Tạm thời bà Dương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Dương Thị M.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí**:** Bà Dương Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 000292 ngày 21/3/2018 qua.

Ông Trần Xuân T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 001094 ngày 07/11/2018 qua.

[4] Báo cho bà M, ông Vui biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Phúc